

Bản án số: 63/2023/HS-ST  
Ngày: 13/12/2023

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ - TỈNH G**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân H**

**Các Hội thẩm nhân dân:** 1. Ông Lê Văn D  
2. Ông Lưu Th

**Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Hiền B** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân K** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2023 tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Đ - tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 72/2023/HSST ngày 14/11/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2023/QĐXXST-HS ngày 21/11/2023, đối với các bị cáo:

1. **Lê Quang T** - Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 03/10/1981 tại tỉnh G; Số CCCD: 064081007471; Nơi cư trú: Tổ 1, phường T, thành phố P, tỉnh G; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Không; Cha: Lê Quang H (đã chết), Mẹ: Đỗ Thị T (đã chết); Gia đình bị cáo có 08 anh em, lớn nhất sinh năm 1959, nhỏ nhất sinh năm 1981, bị cáo là con út trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ, con; Nhân thân: Tốt; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. **Lê Thị N** - Giới tính: Nữ. Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 04/9/1974 tại tỉnh G; Số CCCD: 064174002969; Nơi cư trú: Tổ 1, phường T, thành phố P, tỉnh G; Nơi tạm trú: Thôn TS 2, xã T, thành phố P, tỉnh G; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Trình độ học vấn: 07/12; Nghề nghiệp: Thợ làm tóc; Cha: Lê Quang H (đã chết), Mẹ: Đỗ Thị T (đã chết); Gia đình bị cáo có 08 anh em, lớn nhất sinh năm 1959, nhỏ nhất sinh năm 1981, bị cáo là con thứ sáu trong gia đình; Bị cáo chưa có chồng, con; Nhân thân: Tốt; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**Bị hại: Chị Lê Nguyễn Ngọc L** - sinh năm 1994. Trú tại làng IM, xã H, huyện Đ, tỉnh G. Có mặt.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Nguyễn Tấn Th** - sinh năm 1986. Trú tại làng IM, xã H, huyện Đ, tỉnh G. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:**

**1. Về hành vi phạm tội của bị cáo:** Năm 2018, anh Nguyễn Tấn Th (sinh năm 1986, trú tại làng IM, xã H, huyện Đ, tỉnh G) có vay của Lê Thị N số tiền 11.000.000 đồng cùng 08 chỉ vàng SJC, quy đổi thành tiền tổng cộng là 40.000.000 đồng. Sau đó, Lê Thị N đã Nêu lần đến nhà đòi số tiền này nhưng anh Nguyễn Tấn Th chưa trả.

Vào lúc 17 giờ ngày 14/03/2023, Lê Thị N gọi điện thoại nhờ em trai là Lê Quang T cùng đi đến nhà của anh Nguyễn Tấn Th để đòi số tiền 40.000.000 đồng mà anh Th đã vay thì T đồng ý. Khoảng 10 phút sau, T đến tiệm làm tóc của N tại thôn TS 2, xã Tân Sơn, thành phố P, tỉnh G rồi điều khiển xe mô tô biển số 81B1-955.56 của N chở N đến nhà anh Nguyễn Tấn Th. Khi đến nơi, T và N đi vào gặp chị Lê Nguyễn Ngọc L (sinh năm 1994 - là vợ của anh Nguyễn Tấn Th) nói anh Th hiện đi làm ăn xa, không có mặt ở nhà. T không tin nên đi vào trong nhà tìm kiếm nhưng không thấy anh Th mà thấy có chiếc xe mô tô biển số 81B3-003.04, nhãn hiệu Honda, loại xe Vision, màu xanh đỏ đen đang dựng sát cửa ra vào, không gắn chìa khóa. T nảy sinh ý định lấy chiếc xe trên để buộc anh Th trả nợ nên nói với chị L: “Giờ tao lấy xe này, nói thằng Thành về mang tiền lên lấy lại chiếc xe”. N thấy vậy thì nói với Lan: “Đây chỉ là tiền lãi”. Chị L nghe vậy thì đến đứng chặn trước và dùng hai tay ôm giữ đầu xe mô tô nói “Xe này là của em”. T nói “Có gì trong cốp xe thì lấy ra đi” nhưng chị L vẫn đứng ôm giữ đầu xe nên T dùng chân đạp vào người chị L trúng vùng bụng. Chị L bỏ tay ra khỏi đầu xe và ôm bụng đi vào trong nhà nên T đi vào theo và tiếp tục yêu cầu chị L đưa chìa khoá. T nói chị L “Mày với chồng mày mang tiền đến trả rồi lấy xe về” rồi đi ra thì Lê Thị N dắt chiếc xe mô tô biển số 81B3-003.04 của chị L ra phía trước sân nhà. Sau đó, Lê Thị N ngồi lên điều khiển chiếc xe mô tô biển số 81B3-003.04 của chị L, còn Lê Quang T điều khiển xe mô tô biển số 81B1-955.56 của Lê Thị N đẩy từ phía sau đi về nhà tại Tổ 01, phường T, thành phố P, tỉnh G để cất giữ. Chị Lê Nguyễn Ngọc L đã trình báo sự việc đến cơ quan Công an để đề nghị giải quyết. Ngày 17/3/2023, Lê Thị N và Lê Quang T đã đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ để đầu thú và giao nộp chiếc xe mô tô biển số 81B3-003.04.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 71 ngày 31/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản thuộc Ủy ban nhân dân huyện Đ kết luận 01 xe mô tô biển số 81B3-003.04, nhãn hiệu Honda, loại xe Vision, màu xanh đỏ đen trị giá là 27.000.000 đồng.

Đối với việc bị Lê Quang T dùng chân đạp trúng vùng bụng, chị Lê Nguyễn Ngọc L đã đi khám và điều trị tại Bệnh viện 331 tỉnh G nhưng không bị thương tích gì. Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 350 ngày 10/7/2023 xác định tỉ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lê Nguyễn Ngọc L là 0%.

**2. Về dân sự:** Quá trình điều tra, người bị hại Lê Nguyễn Ngọc L yêu cầu bồi thường số tiền 1.700.000 đồng và các bị cáo đã bồi thường số tiền này. Hiện chị L không yêu cầu bồi thường gì thêm.

**3. Về vật chứng:** Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã trả chiếc xe mô tô biển số 81B3-003.04, nhãn hiệu Honda, loại xe Vision, màu xanh đỏ đen cho chị Lê Nguyễn Ngọc L.

**4. Về dân sự:** Quá trình điều tra, người bị hại Lê Nguyễn Ngọc L yêu cầu bồi thường số tiền 1.700.000 đồng và các bị cáo đã bồi thường số tiền này. Hiện chị L không yêu cầu bồi thường gì thêm.

**5. Cáo trạng của Viện kiểm sát:** Cáo trạng số: 64/CT-VKS ngày 08/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tỉnh G đã truy tố các bị cáo về tội: “*Cưỡng đoạt tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên nội dung Cáo trạng truy tố và đề nghị:

*Về hình phạt:* Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo T từ 14 tháng tù đến 16 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 28 tháng đến 30 tháng; Xử phạt bị cáo N từ 12 đến 14 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 28 tháng

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo.

*Về án phí:* Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố và xin xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

***Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:***

**[1]** Về hành vi, quyết định tố tụng đã được người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

**[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo:**

[2.1] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận về hành vi phạm tội phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Do bức xúc vì sau Nêu lần đòi nợ nhưng anh Nguyễn Tấn Th (Chồng chị Lê Nguyễn Ngọc L) vẫn không chịu trả khoản nợ tiền và vàng đã vay từ năm 2018 nên vào ngày 14/3/2023, tại thôn IM, xã H, huyện Đ, tỉnh G, Lê Thị N và em ruột của N là Lê Quang T đã thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản của chị Lê Nguyễn Ngọc L 01 xe mô tô biển số 81B3-003.04, nhãn hiệu Honda, loại xe Vision, màu xanh đỏ đen có trị giá là 27.000.000 đồng. Đến ngày 17/3/2023, Lê Thị N và Lê Quang T ra đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội.

Hành vi sử dụng vũ lực uy hiếp tinh thần của bị hại nhằm chiếm đoạt tài sản để đảm bảo việc trả nợ khi không được sự đồng ý của chủ sở hữu là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm vào quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Hành vi của các bị cáo Lê Quang T và Lê Thị N đã phạm vào tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đây là vụ án có Nều bị cáo cùng tham gia thực hiện tội phạm, tuy Nền không có sự phân công, cấu kết chặt chẽ nên chỉ là đồng phạm giản đơn. Trong đó, bị cáo Trug là người nảy sinh ý định, khởi xướng việc chiếm đoạt tài sản và là người thực hiện hành vi nên bị cáo T chịu trách Nhiệm chính trong vụ án, còn bị cáo N khi thấy T thực hiện hành vi không những không ngăn cản mà còn giúp sức cho T thực hiện nên bị cáo N phải chịu trách Nhiệm hình sự tương xứng với hành vi đã gây ra.

[2.2] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách Nhiệm hình sự:

*Về tình tiết tăng nặng:* Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng.

*Về tình tiết giảm nhẹ:* Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đã cùng bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; sau khi phạm tội đã ra đầu thú; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Vì vậy, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách Nhiệm hình sự của các bị cáo, thấy rằng: Các bị cáo là người có nhân thân tốt, được hưởng Nền tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội lần đầu do bộc phát nhất thời mà nguyên nhân là việc vay mượn nhưng không chịu trả nợ của anh Nguyễn Tấn Th (chồng chị L) đối với bị cáo N. Vì vậy, áp dụng điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt các bị cáo mức hình phạt tù, cho hưởng án treo là phù hợp, đủ tác dụng cải tạo, giáo dục riêng đối với các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[2.3] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

**[3] Về dân sự:** Quá trình điều tra, bị hại Lê Nguyễn Ngọc L yêu cầu bồi thường số tiền 1.700.000 đồng. Các bị cáo đã bồi thường đủ số tiền này, chị L không yêu cầu bồi thường gì thêm. Vì vậy, Hội đồng xét xử miễn xét.

**[4] Về vật chứng:** Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã trả chiếc xe mô tô biển số 81B3-003.04, nhãn hiệu Honda, loại xe Vision, màu xanh đỏ đen cho chị Lê Nguyễn Ngọc L. Việc trả lại tài sản cho chị L là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

**[5] Về án phí:** Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Thị N và Lê Quang T phạm tội: “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Quang T 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 28 (Hai mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án 13/12/2023.

Xử phạt bị cáo Lê Thị N 01 (Một) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án 13/12/2023.

Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố P, tỉnh G nơi các bị cáo cư trú và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

**3. Về án phí:** Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Lê Thị N và Lê Quang T, mỗi bị cáo phải nộp số tiền 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

**4. Về quyền kháng cáo:** Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (13/12/2023), các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh G;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ  
(CQĐT, THAHS);
- Sở tư pháp tỉnh G;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Bị cáo;
- Người TGTT khác
- Lưu HS, AV, VP

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Xuân H**